TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độclập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 14/2023/HS-ST Ngày: 11-4-2023	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Mạnh.

2. Bà Trần Thị Định.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại Chi nhánh Chi cục thuế khu vực Ý Yên - V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2023/TLST - HS ngày 13 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST - HS ngày 30 tháng 3 năm 2023, đối với bị cáo:

Trần N. A, sinh năm 2001, tại tỉnh Nam Định..

Nơi ĐKHKTT và cư trú tại: Thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần V T, sinh năm 1979 và bà Nguyễn T M. H, sinh năm 1980; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" theo Lệnh số 04 ngày 28-3-2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định. (Có mặt).

- *Bị hại*:

+ Bà Phạm Thị N, sinh năm 1963; (Vắng mặt)

+ Ông Phạm Văn T, sinh năm 1964; (Vắng mặt)

Đều cư trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định.

- *Người làm chứng*:

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

+ Bả Đỗ Thị L, sinh năm 1974; (Vắng mặt)

+ Anh Phạm Hải Đ, sinh năm 1989; (Vắng mặt)

+ Ông Đinh Văn T, sinh năm 1969; (Vắng mặt)

+ Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1964; (Vắng mặt)

+ Anh Phạm Bá D, sinh năm 1986; (Vắng mặt)
+ Anh Phạm Văn Th, sinh năm 1994; (Vắng mặt)
+ Ông Nguyễn V T, sinh năm 1963; (Vắng mặt)
+ Chị Nguyễn T M H, sinh năm 1980; (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên Trần N. A nảy sinh ý định trộm cắp bò để bán lấy tiền. Khoảng 13 giờ ngày 13-01-2023, Trần N. A điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave màu trắng biển kiểm soát 18C1-38427 đi từ trường Đại học Thể dục thể thao tỉnh B. N đến khu vực thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định thì hết xăng, N. A khóa cổ xe và để xe ở lề đường. Sau đó đi bộ đến cánh đồng V, thuộc thôn A, xã Đ và phát hiện thấy 01 con bò cái lông màu vàng cam khoảng 10 năm tuổi đang mang thai khoảng 8 tháng và 01 con bê cái lông màu nâu khoảng 01 năm tuổi đang ăn cỏ, không buộc cọc và không có người trông coi. Thấy vậy, N. A đi đến tháo dây thừng ở cổ con bò, sau đó dắt con bò và con bê đi theo hướng ra Quốc lộ 38B. Khi gặp chị Nguyễn Thị H đang ngồi bán thịt bò trước cửa nhà chị H trên mặt đường 38B thì N. A đã chào bán bò nhưng chị H không mua mà gọi điện cho anh Phạm Hải Đ đến để mua bò. Khi anh Đ đến thì N. A nói dối anh Đ và chị H là bò của nhà mình, do bố của N. A gẫy chân nên cần tiền mới phải bán. Anh Đ tin N. A nói thật nên đồng ý mua với giá 23.000.000đồng. Do anh Đ không cầm tiền nên đã vay của chị H số tiền 16.000.000đồng để đưa cho N. A, còn nợ lại N. A số tiền 7.000.000 đồng và hẹn hôm sau đến gặp chị H để lấy. Số tiền bán bò và bê, N. A sử dụng hết vào việc trả nợ và tiêu xài cá nhân. Sau khi mua được bò và bê của N. A thì anh Phạm Hải Đ đã bán con bò và con bê trên cho anh Đinh Văn T với giá 25.200.000đồng.

Ngày 13-01-2023, chị Phạm Thị N đã có đơn trình báo Công an huyện V về việc bị mất con bò, con bê nêu trên.

Cùng ngày 13-01-2023, anh Đinh Văn T đã tự nguyện giao nộp con bò và con bê trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 24 ngày 18-01-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện V đã kết luận: Trị giá 01 con bò mẹ đang mang thai, chuẩn bị đến kỳ sinh sản là 25.000.000đồng và trị giá 01 con bê khoảng 01 năm tuổi là 20.000.000đồng.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, Trần N. A đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại 01 con bò và 01 con bê cho gia đình chị PhạmThị N. Chị N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Quá trình điều tra, Trần N. A đã tự nguyện trả lại số tiền 16.000.000đồng cho anh Phạm Hải Đ; anh Đ đã trả lại số tiền 25.200.000đồng cho anh Đinh Văn T. Anh Đ và anh T đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu đề nghị gì. Đối với số tiền 16.000.000đồng anh Đ vay của chị H để mua bò, anh Đ đã trả lại cho chị H, chị H khôngcó ý kiến hay đề nghị gì.

Cáo trạng số 15/CT-VKSVB ngày 13-3-2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Trần N. A về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trần N. A thành khẩn khai nhận về hành vi trộm cắp 01 con bò mẹ và 01 con bê của gia đình chị Phạm Thị N đúng như nội dung đã nêu trên, bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi của mình và xin được giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội tiếp tục theo học Đại học.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ quyền công tố đã giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Trần N. A về tội "Trộm cắp tài sản" đúng như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần N. A phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần N. A từ 18 tháng đến 21 tháng cải tạo không giam giữ.

- Về xử lý vật chứng: 01 áo khoác dài tay màu đen; 01 quần nỉ dài màu đen và 01 đôi dép xốp màu hồng là trang phục mà Trần N. A mặc đi trộm cắp bò, không liên quan đến hành vi trộm cáp tài sản, bị cáo có nguyện vọng được nhận lại do đó trả lại cho bị cáo.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai củabị cáo tại cơ quan điều tra và cũng phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng tại cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án đã được thu thập có trong hồ sơ. Nên có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 13 giờ ngày 13-01-2023, tại khu vực bờ ruộng cánh đồng V thuộc thôn A, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định, Trần N. A đã có hành vi lén lút dắt 01 con bò mẹ trị giá 25.000.000đồng và 01 con bê cái trị giá 20.000.000đồng của gia đình chị N để mang đi bán, lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân. Tổng trị giá tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của gia đình chị N là 45.000.000đồng.

Đối chiếu hành vi nêu trên của bị cáo N. A với những quy định của pháp luật thì hành vi đó của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm mất trật tự trị an trên địa bàn, gây hoang mang lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Bị cáo biết rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và tự nguyện giao nộp đủ số tiền có được từ việc bán con bò và con bê của chị N nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm i; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Đường lối xử lý về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được cải tạo không giam giữ tại địa phươngcũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Anh Phạm Hải Đ, anh Đinh Văn T và chị Nguyễn Thị H cũng không có yêu cầu đề nghị gì do đó không định anh Đ, anh T, chị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 áo khoác dài tay màu đen; 01 quần nỉ dài màu đen và 01 đôi dép xốp màu hồng là trang phục mà bị cáo mặc đi trộm cắp tài sản, không liên quan đến hành vi trộm cáp tài sản, bị cáo có nguyện vọng được nhận lại do đó áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Bịc áo đang là sinh viên Đại Học, chưa có thu nhập ổn định do đó miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Trần N. A.

[9]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trần N. A phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Xử phạt bị cáo Trần N. A 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện V, tỉnh Nam Định nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trần N. A cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Nam Định giám sát và giáo dục.

Bị cáoTrần N. A phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi Hành án hình sự.

3. Miễn hình phạt bổ sung, miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Trần N. A.

4. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo01 áo khoác dài tay màu đen; 01 quần nỉ dài màu đen và 01 đôi dép xốp màu hồng.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần N. A phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Công an huyệnV;
- Chi cục THADS;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòaán.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

BùiThịGấm